



Số: 568 / TB-UBND

Cam Lâm, ngày 21 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 662/QĐ-TTg ngày 25/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm;

Căn cứ Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Phân khu đô thị phía bắc, đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Phân khu đô thị Trung tâm, đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Phân khu đô thị ven biển, đô thị mới Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;



Căn cứ Kế hoạch số 86/KH-TTQĐ ngày 10/7/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm;

Theo đề nghị của Phó phòng Kinh tế tại Tờ trình số 5831/TTr-PKT ngày 21/7/2026 về việc ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.

UBND xã Cam Lâm thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm như sau:

1. Lý do thu hồi: Để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.

2. Diện tích, vị trí khu đất thu hồi:

- Tổng diện tích thu hồi: 9.174,89 ha

- Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi: được xác định bởi các mốc tọa độ theo Sơ đồ vị trí số 01-2025/SĐ.TĐ do Công ty Cổ phần Trắc địa bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên xác lập ngày 07/7/2025, được Sở Tài chính xác nhận ranh giới thực hiện dự án tại văn bản số 236/STC-ĐTNN ngày 11/7/2025.

- UBND xã Cam Lâm không thực hiện thu hồi các khu đất được thể hiện trong Sơ đồ vị trí số 01-2025/SĐ.TĐ do Công ty Cổ phần Trắc địa bản đồ Miền Trung và Tây Nguyên xác lập ngày 07/7/2025, được Sở Tài chính xác nhận ranh giới thực hiện dự án tại văn bản số 236/STC-ĐTNN ngày 11/7/2025 (*Đính kèm Phụ lục mốc tọa độ khu vực không thực hiện thu hồi*).

3. Tiến độ thực hiện dự án: từ năm 2025 - 2037.

4. Hiệu lực của Thông báo thu hồi đất: 12 tháng kể từ ngày ban hành Thông báo thu hồi đất.

5. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Thực hiện theo Kế hoạch số 86/UBND-KT ngày 10/7/2025 của UBND xã Cam Lâm.

6. Kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất: Theo quy định tại Điều 87 Luật Đất đai.

7. Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo quy định tại Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

8. Tổ chức thực hiện:

8.1. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn các thôn nơi có đất thu hồi:

- Gửi thông báo thu hồi đất này đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư (nếu có), chuyển đổi nghề.

8.2. Các phòng, ban liên quan:

- Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Cam Lâm:
- + Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Cam Lâm thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.
- + Cung cấp hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Cam Lâm để theo dõi, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.
- Văn phòng HĐND&UBND xã có trách nhiệm đăng Thông báo này lên Trang thông tin điện tử của xã Cam Lâm tại địa chỉ <https://camlam.khanhhoa.gov.vn/>.
- Trung tâm Dịch vụ, sự nghiệp công xã Cam Lâm: Phát nội dung thông báo này trên phương tiện thông tin đại chúng xã 03 lần.

8.3. Tất cả các tổ chức, hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất nằm trong ranh giới quy hoạch để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà:

- Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Phải sử dụng đất theo đúng hiện trạng cho đến khi có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.
- Được bồi thường về đất, tài sản trên đất, hỗ trợ, giải quyết chính sách tái định cư đảm bảo theo quy định của pháp luật (nếu có).

UBND xã Cam Lâm thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong khu vực và các cơ quan, đơn vị liên quan biết và thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo kịp thời cho UBND xã biết để xem xét có ý kiến chỉ đạo./. 

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh Khánh Hoà (b/c);
- Các Sở NNMT, Tài chính;
- TT. Đảng uỷ xã (b/c);
- UBNDTTQ xã (phối hợp);
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Các phòng: KT, VH-XH;
- Chi nhánh PTQĐ khu vực Cam Lâm;
- Trung tâm Dịch vụ, sự nghiệp công xã Cam Lâm (để phát 03 lần);
- Chi nhánh VPĐK đất đai tại Cam Lâm;
- Trang thông tin điện tử xã (để đăng);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Uy Viễn

PHỤ LỤC MỐC TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHÔNG THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT
(Đính kèm Thông báo thu hồi đất số 568 /TB-UBND ngày 21/7/2026 của UBND xã Cam Lâm)

Số hiệu mốc	Toạ độ VN-2000		Số hiệu mốc	Toạ độ VN-2000		Số hiệu mốc	Toạ độ VN-2000	
	X	Y		X	Y		X	Y
I						N65	1339502.795	595498.191
N1	1332829.926	599730.986	N33	1331118.035	595704.582	N66	1339309.300	595861.913
N2	1333200.471	599370.246	N34	1331137.908	595172.642	X		
N3	1333720.162	599114.112	N35	1330349.163	595088.155	N67	1339445.145	595497.969
N4	1333690.995	598982.398	N36	1329892.356	594988.476	N68	1339251.261	595525.711
N5	1332995.916	599042.760	VI			N69	1339040.059	595591.448
N6	1332529.694	599227.340	N37	1333773.403	594693.971	N70	1339010.291	595772.221
II			N38	1334012.147	595419.328	N71	1339037.015	595818.451
N7	1332497.948	599167.443	N39	1334828.483	595055.742	N72	1339230.030	595857.640
N8	1332874.934	599019.098	N40	1334849.931	594994.187	XI		
N9	1333663.661	598880.804	N41	1334694.547	594411.129	N73	1338984.794	595918.235
N10	1333526.046	598215.245	N42	1334645.646	594383.760	N74	1338945.751	596141.829
N11	1333173.722	598127.951	N43	1334402.366	594488.218	N75	1339078.811	596172.410
N12	1332398.186	598318.906	VII			N76	1339211.460	595906.864
N13	1332412.168	598490.966	N44	1337921.699	593167.571	N77	1339044.075	595877.337
N14	1332350.676	598495.963	N45	1337987.466	593504.274	XII		
N15	1332372.734	598629.442	N46	1339181.434	593648.895	N78	1339254.934	595964.107
N16	1332283.629	598645.780	N47	1339191.958	593482.016	N79	1339330.311	595927.830
III			N48	1339128.675	593222.136	N80	1339710.067	595994.820
N17	1333732.100	598886.472	N49	1339038.589	593053.403	N81	1339708.564	596049.889
N18	1334061.229	598814.198	N50	1338957.499	592915.026	N82	1339603.879	596030.932
N19	1334037.041	598712.031	VIII			N83	1339569.039	596228.424
N20	1333712.336	598540.665	N51	1339539.817	592776.935	N84	1339673.724	596246.890
N21	1333648.509	598578.400	N52	1339958.026	593409.945	N85	1339470.167	597400.831
IV			N53	1340151.381	593569.780	N86	1339305.094	597294.653
N22	1328920.406	595642.770	N54	1340336.908	593643.323	N87	1339235.345	597690.051
N23	1328979.983	595176.494	N55	1340563.103	593189.179	N88	1339086.323	597775.773
N24	1328991.364	594860.402	N56	1340754.237	593010.050	N89	1339011.118	597630.639
N25	1329272.578	594886.441	N57	1341000.383	592884.419	N90	1338898.908	597708.286
N26	1329246.475	595080.621	N58	1341505.647	592438.204	N91	1338971.887	597885.276
N27	1329769.584	595160.427	N59	1341897.071	591983.738	N92	1338850.290	597964.780
N28	1329769.675	594959.978	N60	1341826.380	591817.013	N93	1338800.026	597827.394
N29	1329805.287	594975.443	N61	1339690.389	592729.338	N94	1338717.414	597890.097
N30	1329641.315	595847.132	IX			N95	1338667.381	597824.179
V			N62	1339727.225	595941.998	N96	1338344.078	598062.301
N31	1329735.743	595858.764	N63	1339773.886	595663.094	N97	1338221.460	598066.190
N32	1330574.989	595817.103	N64	1339668.840	595520.722	N98	1338175.732	597992.732